

UBND TỈNH BẮC NINH
VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KTXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42 /CV-P3

Về việc đề nghị góp ý xây dựng
Tiểu Đề án về Tiêu chí dân số

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2019

Kính gửi: Quý cơ quan.

Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao, Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh (Viện) dự kiến tổ chức cuộc họp lấy ý kiến đóng góp, thông qua “Tiểu Đề án Về Tiêu chí dân số để Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2022” vào sáng ngày 22 tháng 3 năm 2019. Tuy nhiên do lịch công tác đột xuất của cấp trên, Viện không thể tổ chức cuộc họp như dự kiến.

Để kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Viện trân trọng đề nghị quý cơ quan tham gia đóng góp vào dự thảo những nội dung cơ bản của Tiểu Đề án bằng văn bản và gửi về Viện trước ngày 27/3/2019.

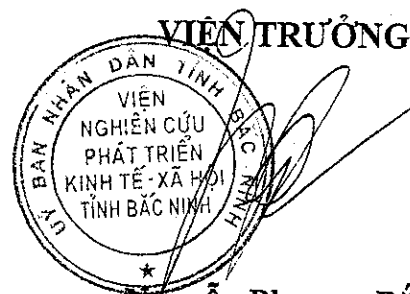
Mọi chi tiết xin liên hệ: Nguyễn Thị Nguyệt – Nghiên cứu viên phòng Nghiên cứu Xã hội và Nhân văn. SĐT: 0966.683.092;

Email: nguyetnguyensp2@gmail.com.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, XHNV, CVP.



Nguyễn Phương Bắc

**MỘT SỐ NỘI DUNG ĐỀ XUẤT BAN ĐẦU XÂY DỰNG
TIÊU ĐỀ ÁN**
**Về Tiêu chí dân số để Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc
Trung ương vào năm 2022**

1. Sự cần thiết xây dựng Tiêu Đề án

Dân số là một trong những tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Đồng thời, dân số cũng là một trong những chỉ tiêu dùng để tính các chỉ tiêu khác có liên quan, như: mật độ dân số, thu nhập bình quân đầu người, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân đầu người, diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người; các chỉ tiêu về đất, y tế, giáo dục, điện nước, viễn thông và cũng là chỉ tiêu để xác định nguồn lao động của các địa phương,... Bên cạnh đó, dân số cũng là một trong những vấn đề có tác động đến sự phát triển của không chỉ tỉnh Bắc Ninh sau này mà còn liên quan đến các tỉnh, thành phố lân cận cũng như cả nước.

Thêm nữa, kể từ khi tỉnh Bắc Ninh lập Đề án xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương (năm 2017) đến nay đã trải qua nhiều lần xin ý kiến các bộ, ngành ở Trung ương và đã có một số ý kiến còn băn khoăn về tiêu chí dân số để Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2022, như:

- **Bộ Khoa học và Công nghệ** (Văn bản số 625/BKHCN-DTG ngày 15/3/2018): Dân số tỉnh Bắc Ninh hiện nay khoảng 1,2 triệu người (thiếu so với tiêu chuẩn 0,3 triệu người). Đề nghị trong Đề án cần nêu tình hình tăng dân số của các năm gần đây, kinh nghiệm thu hút đầu tư gắn với thu hút lao động nhập cư,... do vậy đề nghị cân nhắc xây dựng giải pháp cụ thể để đáp ứng tiêu chuẩn này.

- **Ngân hàng nhà nước Việt Nam** (Văn bản số 1587/NHNN-TD ngày 14/3/2018): Đề nghị bổ sung đánh giá tác động của việc tăng dân số lên 1,5 triệu dân khi đó chuyển thành thành phố trực thuộc Trung ương vì một trong những khó khăn được nêu tại Đề án là một độ dân số đông, diện tích nhỏ, quy mô dân số cao đứng thứ ba cả nước. Việc đánh giá tác động này sẽ giúp tỉnh Bắc Ninh định hướng giải pháp khắc phục khó khăn để đảm bảo ổn định đời sống người dân, phát triển xã hội sau khi chuyển đổi thành Thành phố trực thuộc Trung ương.

- **Bộ Nội vụ** (Văn bản số 1056/BNV-CQDP ngày 15/3/2018): Căn cứ Điều 4 Nghị quyết 1211 đối chiếu hiện trạng của tỉnh Bắc Ninh hiện tại còn

- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư** (Văn bản số 1649/BKHĐT-KTĐPLT ngày 16/3/2018): Về đáp ứng các tiêu chí, trong Đề án thì tỉnh Bắc Ninh còn 03/05 tiêu chí chưa đạt, đề nghị phân tích và đánh giá cụ thể các tiêu chí này theo Điều 15 NQ 1211 để có cơ sở định hướng và giải pháp đáp ứng các tiêu chí còn thiếu theo quy định. Trong đó, có tiêu chí về quy mô dân số.

- **Thanh tra chính phủ** (Văn bản số 369/TTCP-C.I ngày 16/3/2018): Cơ bản nhất trí với Đề án, tuy nhiên Đề án cần làm rõ thêm về tính khả thi, về mục tiêu, nội dung và các giải pháp để đến năm 2022 đạt 3 tiêu chuẩn hiện này chưa đạt.

- **Bộ Tài chính** (Văn bản số 3552/BTC-NSNN ngày 29/3/2018): Phân tích, tính toán cụ thể, bổ sung thêm các kế hoạch, giải pháp thực hiện cụ thể đối với từng tiêu chuẩn chưa đạt (tiêu chuẩn về dân số, tiêu chuẩn về đơn vị hành chính trực thuộc).

Bởi vậy, cần phải có tính toán và dự báo quy mô dân số dựa trên các căn cứ khoa học để khẳng định số liệu về dân số trong đề án xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2022 là có cơ sở xác đáng.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của Tiểu Đề án

3. Khái quát về dân số tỉnh Bắc Ninh trước và sau tái lập tỉnh.

Nhìn lại thực trạng phát triển dân số những năm cuối thế kỷ XX, Bắc Ninh luôn là một trong những tỉnh có tỷ lệ tăng dân số lớn trong khu vực đồng bằng Sông Hồng nói riêng và cả nước nói chung, nhưng tỷ lệ này đã giảm dần qua các năm¹. Từ năm 1999-2009, trong bối cảnh chung cả nước về thực hiện Chiến lược dân số và kế hoạch hoá gia đình, sau nhiều năm kiên trì thực hiện quy mô dân số tỉnh Bắc Ninh tuy vẫn tăng, nhưng mức tăng tiếp tục giảm dần, chỉ còn 0,84%/năm. Tuy nhiên, điểm đáng lưu ý ở đây là mức tăng dân số của tỉnh Bắc Ninh chủ yếu là tăng tự nhiên; trong khi đó tỷ suất xuất cư từ khi tái lập tỉnh đến năm 2009 là rất lớn, bình quân mỗi năm khoảng 4,3%. Qua đây, có thể khẳng định những năm đầu tái lập tỉnh đến năm 2009, gia tăng dân số của tỉnh Bắc Ninh chủ yếu do tăng tự nhiên, trong khi đó dân số xuất cư đi làm ăn ngoài tỉnh và lao động ở nước ngoài là khá lớn, nhất là ở các huyện thuần nông ở phía Nam Sông Đuống, nên quy mô dân số tăng chậm.

¹ Theo kết quả các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở: Bình quân thời kỳ 1979-1989 tỷ lệ tăng dân số là 2,1%/năm; thời kỳ 1989-1999 là 1,6%/năm.

Bảng 1: Dân số tỉnh Bắc Ninh chia theo đơn vị hành chính

	Dân số (người)			Tốc độ tăng bình quân mỗi năm (%)	
	01/4/1989	01/4/1999	01/4/2009	1989-1999	1999-2009
TOÀN TỈNH	804.204	942.106	1.024.472	1,60	0,84
TP Bắc Ninh	64.150	74.186	164.307	1,46	8,28
Thị xã Từ Sơn	94.811	115.630	140.040	2,00	1,93
Huyện Yên Phong	114.675	139.252	126.660	1,96	-0,94
Huyện Quế Võ	126.129	148.429	135.938	1,64	-0,88
Huyện Tiên Du	106.215	125.982	124.396	1,72	-0,13
Huyện Thuận Thành	115.951	137.086	144.536	1,69	0,53
Huyện Gia Bình	91.191	99.787	92.269	0,90	-0,78
Huyện Lương Tài	91.082	101.754	96.326	1,11	-0,55

Nguồn: Niên giám Thống kê 1997-2016, Cục Thống kê

Từ số liệu ở bảng 1, cho thấy tốc độ tăng dân số thời kỳ 1999-2009 chỉ bằng hơn 1/2 so với thời kỳ trước; trong đó dân số của ba huyện là Yên Phong, Quế Võ và Tiên Du giảm do sáp nhập một số xã về thành phố Bắc Ninh từ năm 2008, còn hai huyện Gia Bình và Lương Tài do tình trạng xuất cư đi làm ăn kinh tế ở trong và ngoài nước.

4. Xu hướng phát triển dân số tỉnh Bắc Ninh từ 2009-2018

4.1. Dân số thường trú

Từ năm 2009, cùng với hệ thống các KCN tập trung đã được hình thành và đã thu hút được nhiều dự án FDI đầu tư vào các ngành công nghiệp, trong đó có một số dự án với quy mô trên dưới 10.000 lao động, với nhiều chính sách ưu đãi và vị trí địa lý thuận lợi, đến hết năm 2018 Bắc Ninh đã thu hút được 1.316 dự án FDI; trong đó có nhiều dự án với quy mô lớn cả về vốn đầu tư và lao động làm việc, mà điển hình là Tập đoàn Samsung đã đầu tư vào ngành sản xuất sản phẩm điện thoại và thiết bị điện tử khác, từ năm 2010 đã bắt đầu đạt và duy trì công suất tối đa với trên dưới 50 nghìn lao động làm việc; từ năm 2015 lại có thêm Công ty mới (SDV) sản xuất màn hình tinh thể lỏng cho điện thoại, tivi và linh kiện điện tử, hai công ty này đi vào hoạt động đã kéo theo hàng trăm doanh nghiệp vệ tinh với hàng chục nghìn lao động ở các địa phương về Bắc Ninh làm việc.

Tính chung từ năm 2009-2017, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp đã tăng thêm 296,6 nghìn người; trong đó các doanh nghiệp FDI tăng

thêm 236,4 nghìn lao động, chiếm tới 79,7%/tổng số lao động tăng thêm. Trong tổng số lao động tăng thêm có khoảng 75%, tương đương gần 225 nghìn lao động ngoại tỉnh. Trong số gần 225 nghìn lao động ngoại tỉnh, có khoảng 2/3² ở trọ trong các khu dân cư, khu nhà ở của các doanh nghiệp FDI xung quanh KCN hoặc mua nhà ở xã hội ở các khu đô thị mới. Trong số các lao động ở trọ tại tỉnh Bắc Ninh, có khoảng trên 30% đã có gia đình và con nhỏ, trong đó có nhiều gia đình có bố/mẹ đến ở cùng để chăm sóc con nhỏ. Từ kết quả điều tra biến động dân số hàng năm của Tổng cục Thống kê cho thấy, từ năm 2009-2018, trừ năm 2009 tỷ lệ xuất cư của tỉnh Bắc Ninh là 2,5‰, còn lại các năm đều có tỷ lệ nhập cư (hay còn gọi là tăng cơ học) là khá cao, với đỉnh cao nhất là năm 2013 là 13,3‰; tính chung từ 2009-2018, tỷ tăng dân số cơ học đạt bình quân 0,68‰/năm.

Bên cạnh đó, từ khi tái lập tỉnh đến nay, kinh tế của Bắc Ninh phát triển nhanh, thu nhập của dân cư được cải thiện, nhất là ở các làng có nghề truyền thống, nên nhu cầu sinh thêm con gia tăng, đã làm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên tăng cao trong những năm gần đây.

Tính chung từ 2009-2018, tỷ lệ tăng dân số của tỉnh Bắc Ninh đạt mức 2,06‰/năm, cao hơn các thời kỳ 10 năm trước.

Bảng 2: Tỷ lệ tăng dân số tỉnh Bắc Ninh từ 2009-2018

Đơn vị tính: ‰

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	Ước 2018	Trung bình
Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	12,6	11,1	11	15,3	11,9	14,9	15,8	14,5	15,6	15,2	13,8
Tỷ suất sinh thô	19,7	18,1	18,2	22,8	19,2	22,3	22,1	20,9	20,4	20,1	20,4
Tỷ suất chết thô	7,1	7,0	7,2	7,5	7,3	7,4	6,3	6,4	4,8	4,9	6,6
Tỷ lệ tăng dân số cơ học	-2,5	2,2	6,9	7,2	13,3	10,0	12,8	7,4	5,5	5,2	6,8
Tỷ suất nhập cư	6,4	9,8	13,4	12,7	19,4	15,4	16,0	11,0	9,7	10,2	12,4
Tỷ suất xuất cư	8,9	7,6	6,5	5,5	6,1	5,4	3,2	3,6	4,2	5,0	5,6
Tỷ lệ tăng dân số	10,1	13,3	17,9	22,5	25,2	24,9	28,6	21,9	21,1	20,4	20,6

Nguồn: Niên giám Tổng cục Thống kê.

² Theo báo cáo sơ bộ kết quả điều tra các vấn đề an sinh xã hội đối với công nhân trong các KCN do Liên đoàn lao động tỉnh chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh thực hiện từ tháng 3 đến tháng 8/2018.

Từ tỷ lệ tăng dân số này, Tổng cục Thống kê đã tính toán và công bố dân số trung bình cho tỉnh Bắc Ninh qua các năm như sau”

Bảng 3: Dân số trung bình tỉnh Bắc Ninh từ 2010-2018

	Dân số trung bình (người)			Tốc độ tăng bình quân mỗi năm (%)	
	2010	2015	2018	2011-2015	2016-2018
TOÀN TỈNH	1.044.234	1.154.660	1.247.454	2,03	2,61
TP Bắc Ninh	169.544	190.588	212.300	2,37	3,66
Thị xã Từ Sơn	143.782	161.397	174.600	2,34	2,66
Huyện Yên Phong	131.067	157.592	180.981	3,75	4,72
Huyện Quế Võ	137.784	156.627	171.450	2,60	3,06
Huyện Tiên Du	126.325	139.191	149.950	1,96	2,51
Huyện Thuận Thành	146.563	156.522	164.100	1,32	1,59
Huyện Gia Bình	92.356	94.620	95.088	0,49	0,16
Huyện Lương Tài	96.813	98.123	98.985	0,27	0,29

Nguồn: Niên giám Thống kê và Báo cáo KT-XH năm 2018, Cục Thống kê

Như vậy, đến năm 2018 dân số trung bình của tỉnh Bắc Ninh đã là 1,247 triệu người, vượt mức 1,21 triệu người vào năm 2020 đã được định hướng phát triển dân số trong Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 9/10/2013). Từ số liệu ở bảng 3 cũng cho thấy, xu hướng tăng dân số nhanh hơn trong 3 năm gần đây (2016-2018) đạt 2,61%/năm, trong khi bình quân mỗi năm từ 2011-2015 tăng 2,03%.

Tuy nhiên, đây chỉ là số liệu về dân số do Tổng cục Thống kê công bố từ kết quả cuộc điều tra chọn mẫu về biến động dân số thời điểm 01/4 hàng năm. Và, để có được số liệu dân số chính xác hơn, cần sử dụng kết quả từ cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở vào thời điểm 01/4/2019. Hiện nay, theo số liệu tổng hợp từ kết quả lập bảng kê Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tại thời điểm 31/12/2018 số nhân khẩu thực tế thường trú trên địa bàn tỉnh đã là 1.343.731 người (chưa bao gồm lực lượng công an chính quy và quân đội đóng trên địa bàn tỉnh). Giả sử, khi thực hiện tổng điều tra vào thời điểm 01/4, số liệu này biến động không lớn, thì so với năm 2019, tỷ lệ tăng dân số bình quân mỗi năm của tỉnh Bắc Ninh sẽ khoảng 2,75%/năm, tức là sau 10 năm dân số đã tăng thêm 319,2 nghìn người.

Mặc dù, đây là cuộc tổng điều tra (điều tra toàn bộ), nhưng vẫn có thể sẽ phát sinh các loại sai số và để đảm bảo tính khoa học, sẽ sử dụng đúng tỷ lệ sai số cho phép trong thống kê là khoảng $\pm 3\%$ và giả sử là kết quả điều tra giảm 3% do sai số khi xác định nhầm, trùng đối tượng điều tra (tương đương -40.313 người), thì quy mô dân số của tỉnh Bắc Ninh tại thời điểm 31/12/2018 sẽ là 1.303.418 người. So với năm 2009, tăng thêm 278.946 người, tức là bình quân mỗi năm dân số tỉnh Bắc Ninh tăng 2,44% cao hơn mức 2,06% (bảng 2) đã được Tổng cục Thống kê tính toán và công bố từ kết quả điều tra mẫu về biến động dân số thời điểm 01/4 hàng năm (từ năm 2010-2018). Điều này cho thấy, điều tra chọn mẫu về dân số hàng năm không thể quan sát được chính xác số người nhập cư vào tỉnh Bắc Ninh. Tức là, nếu số liệu về sinh, chết hàng năm được theo dõi, tổng hợp chính xác với tỷ lệ tăng tự nhiên bình quân mỗi năm từ 2009-2018 là 1,38% (số liệu ở bảng 2), thì tỷ lệ tăng dân số cơ học bình quân mỗi năm của tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn này sẽ là 1,06% (2,44%-1,38%), cao hơn mức 0,68% đã được tính toán ở bảng 2.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh hiện nay có khoảng 3.000 nhân khẩu là lực lượng công an chính quy, quân đội và có 7.272 người nước ngoài³ đăng ký cư trú thường xuyên. Nhưng tính theo dân số thường trú thì các đối tượng vẫn được tính vào do họ vẫn ăn ở thường xuyên trên địa bàn tỉnh. Như vậy, tính đến 31/12/2018, dân số thường trú của tỉnh Bắc Ninh có khoảng 1.313.690 người.

4.2. Dân số tạm trú quy đổi

Trên cơ sở số liệu thống kê của các trường và cơ sở dạy nghề, các cơ sở tôn giáo, kết quả hoạt động vận tải của các doanh nghiệp và kết quả một số cuộc điều tra, từ hướng dẫn tính quy đổi dân số theo phụ lục 3, NQ1210, tính được dân số quy đổi của tỉnh Bắc Ninh năm 2018 như sau:

Bảng 4: Dân số tạm trú quy đổi tỉnh Bắc Ninh năm 2018

TT		Số lượng (Người)	Số ngày tạm trú (Ngày)	Dân số quy đổi (Người)
	Tổng số			58.605
1	Học sinh, sinh viên			3.425

³ Các đối tượng này không được lập bảng kê và điều tra trong Tổng điều tra dân số (sẽ do Bộ Công an, Quốc phòng và Ngoại giao thực hiện điều tra riêng).

1.1	Số học sinh, sinh viên ngoại tỉnh đi về hàng tuần	5.000	120	3.288
1.2	Số học sinh, sinh viên ngoại tỉnh đi về hàng ngày	500	50	137
2	Bệnh nhân ngoại tỉnh chữa bệnh nội trú trong các cơ sở y tế	1.000	10	55
3	Khách tham quan, du lịch, dự hội nghị hội thảo triển lãm ngủ qua đêm			8.440
3.1	Khách du lịch quốc tế đến	180.000	2	1.973
3.2	Khách du lịch ngoại tỉnh nghỉ lại Bắc Ninh	410.000	1	2.247
3.3	Khách dự hội thảo, hội nghị	10.000	2	110
3.4	Người công giáo đến Bắc Ninh trong các ngày lễ của Thiên Chúa giáo	150.000	5	4.110
4	Công nhân các khu công nghiệp, lao động trong các làng nghề nghỉ lại Bắc Ninh			46.685
4.1	Lao động trong các KCN đi về trong ngày, nghỉ lại 3 ngày/tuần để tăng ca, làm ca ba,..	70.000	108	41.425
4.2	Lao động ngoại tỉnh trong các làng nghề truyền thống, cụm công nghiệp, cơ sở SXKD cá thể nghỉ lại Bắc Ninh	10.000	96	5.260

Nguồn: Báo cáo Sở Y tế, Sở VH TTDL, Sở Nội vụ, Cục Thống kê,..

5. Dự báo dân số đến năm 2022

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2016-2020 đã xác định, mức giảm sinh bình quân đạt 0,2%/năm và thực tế mức sinh của Bắc Ninh đã giảm từ 15,8‰ năm 2015 xuống còn 15,2‰ năm 2018, tức là bình quân mỗi năm đã giảm được 0,2‰ như mục tiêu ĐH đề ra và khả năng xu hướng giảm này sẽ được duy trì trong các năm tới khi Bắc Ninh đang tích cực triển khai thực hiện các giải pháp của Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới. Dự báo, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên sẽ ở mức từ 1,2-1,25%/năm.

Hiện nay, Bắc Ninh đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập mới 2 KCN tập trung là VSIP2 và Yên Phong 2C với tổng diện tích 489,22 ha tại huyện Yên Phong. Dự kiến, hai KCN này sẽ bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2020 và sẽ thu hút hàng chục nghìn lao động mới vào làm việc. Bên cạnh đó, Bắc Ninh đã có thêm 3 trường Đại học lớn là ĐH Dược, Luật và Tài nguyên -

Môi trường đang mở cơ sở 2 và cùng với các trường ĐH khác đang hoạt động, cũng sẽ thu hút thêm từ 10-20 nghìn sinh viên mỗi năm đến học tập trong những năm tới. Nên, dự báo tỷ lệ tăng dân số cơ học của tỉnh Bắc Ninh từ năm 2020 trở đi sẽ còn cao hơn nữa, có thể đạt mức từ 1,25-1,3%/năm.

Như vậy, tính chung tỷ lệ tăng dân số bình quân mỗi năm từ 2019-2022 của tỉnh Bắc Ninh vào khoảng từ 2,45-2,55% và còn có thể cao hơn. Tuy nhiên, lường trước những biến động có thể xảy ra, nhất là xu hướng di cư của người lao động có thể giảm hơn khi có thêm nhiều DN sẽ ứng dụng tự động hóa trong một số công đoạn sản xuất. Vì thế, Đề án chỉ đề xuất là mức tăng dân số bình quân từ 2019-2022 là 2,5%/năm.

Trên cơ sở những phân tích ở trên, có thể dự báo quy mô dân số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2022 như sau:

Công thức tính $P_{2022} = P_{2018} \times (\text{tốc độ tăng dân số bình quân})^4 (\text{năm})$

Theo đó $P_{2022} = 1.303.418 \times (1,025)^4 = 1.438.730$ người.

Dự báo, do quy mô dân số tăng và để đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, lực lượng công an chính quy và quân đội sẽ tăng lên 3.200 người. Đồng thời, do có thêm nhiều DN FDI nên các chuyên gia và lao động là người nước ngoài cũng tăng hơn, dự báo có khoảng 8-9 nghìn người đăng ký cư trú thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

Như vậy, tính chung tổng dân số thường trú đến năm 2022 sẽ có khoảng 1.450.730 người.

Đối với dân số tạm trú, dự báo như sau:

Bảng 5: Dự báo dân số tạm trú quy đổi tỉnh Bắc Ninh năm 2022

TT		Số lượng (Người)	Số ngày tạm trú (Ngày)	Dân số quy đổi (Người)
	Tổng số			84.708
1	Học sinh, sinh viên			6.329
1.1	Số học sinh, sinh viên ngoại tỉnh đi về hàng tuần	9.000	120	5.918
1.2	Số học sinh, sinh viên ngoại tỉnh đi về hàng ngày	1.500	50	411
2	Bệnh nhân ngoại tỉnh chữa bệnh nội trú trong các cơ sở y tế	2.000	12	132

3	Khách tham quan, du lịch, dự hội nghị hội thảo triển lãm ngủ qua đêm			11.179
3.1	Khách du lịch quốc tế đến	250.000	3	4.110
3.2	Khách du lịch ngoại tỉnh nghỉ lại Bắc Ninh	500.000	1	2.740
3.3	Khách dự hội thảo, hội nghị	20.000	2	219
3.4	Người công giáo đến Bắc Ninh trong các ngày lễ của Thiên Chúa giáo	150.000	5	4.110
4	Công nhân các khu công nghiệp, lao động trong các làng nghề nghỉ lại Bắc Ninh			67.068
4.1	Lao động trong các KCN đi về trong ngày, nghỉ lại 3 ngày/tuần để tăng ca, làm ca ba,..	100.000	108	59.178
4.2	Lao động ngoại tỉnh trong các làng nghề truyền thống, cụm công nghiệp, cơ sở SXKD cá thể nghỉ lại Bắc Ninh	15.000	96	7.890

Như vậy, dự báo quy mô dân số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2022 sẽ vào khoảng 1,535 triệu người, đạt tiêu chí theo Nghị quyết 1210 theo quy định.

6. Các giải pháp thực hiện

- Tập trung đẩy nhanh phát triển công nghiệp, đô thị, hoàn thành xây dựng hạ tầng các KCN mới: VSIP2, Yên Phong 2C; khu đô thị lớn như: khu Đông Nam thành phố Bắc Ninh (diện tích 1.000ha), khu đô thị du lịch sinh thái văn hóa nghỉ dưỡng Tiên Du - Từ Sơn (diện tích 1.400ha), khu đô thị du lịch Phật Tích (diện tích 1.000ha), khu đô thị nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí Thuận Thành (diện tích 1.200ha),...

- Tiếp tục thực hiện các chương trình, chính sách phát triển kinh tế vượt trội, các giải pháp thu hút đầu tư, thu hút lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững:

+ Phát triển các khu công nghiệp gắn với phát triển đô thị; đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng để thu hút các doanh nghiệp đầu tư; thu hút đầu tư có chọn lọc, lựa chọn các doanh nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, quy mô vốn, hàm lượng công nghệ, mức đóng góp cho ngân sách nhà nước, thu hút lao động chất lượng cao trong các khu công nghiệp tập trung.

+ Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về nhà ở cho công nhân các Khu công nghiệp để thu hút lực lượng lao động đến làm việc và sinh sống tại tỉnh Bắc Ninh (hỗ trợ 100% chi phí giải phóng

mặt bằng, 50% chi phí xây dựng hạ tầng của khu nhà ở công nhân, cho vay vốn ưu đãi của tỉnh).

+ Hỗ trợ đào tạo và sử dụng lao động đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tại Nghị quyết số 129/2014/NQ-HĐND17 ngày 24/4/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ khởi nghiệp theo Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh; thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển kinh tế tư nhân.

+ Hỗ trợ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các Trường Đại học và bệnh viện đa khoa quốc tế gắn với nghỉ dưỡng.

- Tập trung nguồn lực, đặc biệt là nguồn vốn ngân sách đầu tư các cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho phát triển kinh tế đô thị và có khả năng thúc đẩy phát triển các khu vực kinh tế, đô thị còn phát triển chậm.

- Tăng cường công tác đào tạo lao động, đẩy mạnh xã hội hóa đào tạo, phát triển nghề theo hướng đáp ứng yêu cầu của xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp công nghệ cao.

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KT-XH TỈNH